

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Khoản trích trước chi phí các công trình là khoản phải trả cho các Xí nghiệp và các đội thi công theo chi phí tạm tính của các công trình, hạng mục công trình (CT, HMCT) đã có xác nhận khối lượng xây lắp hoàn thành, quyết toán A-B nhưng chưa được chủ đầu tư phê duyệt và được tạm ghi nhận doanh thu. Căn cứ trên doanh thu tạm ghi nhận công ty đang tạm trích chi phí như sau:

$$\begin{array}{rcccl} \text{CP trích trước} & & \text{Giá thành} & & \text{Các khoản CP có đủ} \\ \text{của từng CT} & = & \text{định mức} & - & \text{chứng từ gốc đã tập} \\ \text{HMCT} & & \text{CT, HMCT} & & \text{hợp được từng CT, HMCT} \end{array}$$

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đơn vị được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu

Căn cứ để hạch toán doanh thu là giá trị Quyết toán A-B đối với các công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình/nghiệm thu giai đoạn (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty ước tính được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong năm nhận được Phiếu duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Chi phí

Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Ghi nhận Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	523.149.086	165.484.513
Tiền gửi ngân hàng	7.571.843.926	2.757.749.614
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	18.000.000.000	-
Cộng	26.094.993.012	2.923.234.127

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	7.049.399.699	7.049.399.699
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	20.751.759.888	19.751.759.888
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5.074.372.842)	(4.935.510.150)
Cộng	22.726.786.745	21.865.649.437

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh và tình hình trích lập dự phòng (Xem tại Phụ lục 1).

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu các đối thi công tiền ứng để thực hiện công trình	76.262.144.395	83.438.787.261
Phải thu khác	5.564.842.234	1.815.370.136
Cộng	81.826.986.629	85.254.157.397

6. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	101.178.960	101.178.960
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.918.163.591	5.853.233.668
Hàng hóa	0	399.424.800
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.423.700)	(8.423.700)
Cộng	8.010.918.851	6.345.413.728

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng	718.755.142	761.761.142
Cộng	718.755.142	761.761.142

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Phụ lục 2)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Phụ lục 3)

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.409.176.096	7.790.504.686	25.199.680.782
Số tăng trong năm	-	-	-
- Chuyển từ TSCĐ			
Số giảm trong năm		-	-
Số dư cuối năm	17.409.176.096	7.790.504.686	25.199.680.782
Giá trị HMLK			
Số dư đầu năm	5.665.868.635	2.036.854.643	7.702.723.278
Số tăng trong năm	188.063.724	43.280.582	231.344.306
- Do trích khấu hao	188.063.724	43.280.582	231.344.306
- Chuyển từ TSCĐ			-
Số giảm trong năm		-	-
Số dư cuối năm	5.853.932.359	2.080.135.225	7.934.067.584
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	11.743.307.461	5.753.650.043	17.496.957.504
Tại ngày cuối năm	11.555.243.737	5.710.369.461	17.265.613.198

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2015 VND	01/01/2015 VND
Đầu tư cổ phiếu	816.185.110	1.316.185.110
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 1 năm	850.000.000	850.000.000
Đầu tư dài hạn khác	7.531.670.000	7.531.670.000
Cộng	9.197.855.110	9.697.855.110

Trong đó:

a. Đầu tư cổ phiếu

	31/03/2015		01/01/2015	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
CP Công ty CP Thiết kế Bưu điện	20.000	250.375.110	20.000	250.375.110
CP Công ty CP XL Bưu điện Cần Thơ	15.000	156.450.000	15.000	156.450.000
CP Công ty CP Niên giám điện thoại	15.000	188.400.000	15.000	188.400.000
những trang vàng				
CP Công ty CP XL Bưu điện Hải Phòng	13.560	139.600.000	13.560	139.600.000
CP Công ty CP Nhựa Sam Phú	8.136	81.360.000	8.136	81.360.000
CP Công ty CP TM và Du lịch Hà Tĩnh			50.000	500.000.000
Cộng		816.185.110		1.316.185.110

Đây là các cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và cũng chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom). Tại thời điểm 31/03/2015 do không đủ cơ sở để xác định được giá thị trường của các chứng khoán này nên công ty không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Ngày 09/03/2015 Công ty CP Thương mại và Du lịch Hà Tĩnh đã gửi tiền thoái vốn góp cho Công ty CP Hacisco số tiền 496.011.163 đồng.

b. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư dài hạn khác là đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện.

Thông tin về khoản đầu tư này như sau:

Tên đơn vị nhận vốn góp:	Công ty Cổ phần Chuyển phát nhanh Bưu điện
Địa điểm:	Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế.
Vốn điều lệ của Công ty:	91.591.280.000 VND
Vốn đầu tư của Hacisco:	7.531.670.000 VND
Tỷ lệ vốn góp của Hacisco:	8.22%
Quyền biểu quyết	8.22%

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.746.485	28.653.355
Số tăng trong năm		
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	3.474.452	23.906.870
Giảm khác	0	0
Số dư cuối kỳ	1.272.033	4.746.485

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	0	0
Chi phí sửa chữa, thay thế xe ô tô	0	0
Giá trị CCDC chờ phân bổ	1.272.033	28.653.355
Chi phí quảng cáo		
Cộng	1.272.033	28.653.355

14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.406.000.000	2.396.000.000
- Vay ngân hàng	980.000.000	1.740.000.000
- Vay đối tượng khác (CBCNV)	426.000.000	656.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	1.406.000.000	2.396.000.000

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	101.640.414	3.587.465.043
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.697.459	799.776.665
Thuế thu nhập cá nhân	1.240.174	1.240.174
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	0	
Cộng	156.578.047	4.388.481.882